

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2023/HS-ST

Ngày: 16/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Anh – Cán bộ hưu trí xã Xuân Sơn Nam và bà Đặng Thị Duyên – Công chức UBND thị trấn La Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử trực tuyến để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

La O D - (tên gọi khác: Ma Thủy) Sinh năm: 1992; tại huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: La Lan N - Sinh năm 1969 và bà: La O Thị H - sinh năm: 1970; Vợ: La O Thị A - Sinh năm 1994; Bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 01/6/2012, bị Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 18 tháng. Đã chấp hành xong; Ngày 27/6/2022, bị Hạt Kiểm

lâm D xử phạt vi phạm hành chính về hành vi phá rừng trái phép. Chưa chấp hành.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã M, huyện D. Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch UBND xã M - Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: La O Thị A - Sinh năm: 1994; Trú tại: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên –Có mặt.

NLQ1 – Sinh năm: 1964; NLQ2 – Sinh năm: 1976; NLQ3 – Sinh năm: 1980; Cả 3 người cùng trú tại: Thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên - Đều có mặt.

NLQ4 – Sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6/2020, La O D nói với vợ là La O Thị A đi đến khu vực rừng trước đây ông, bà của D đã khai hoang thuộc khoảnh 1, 3, tiểu khu 73, xã M, huyện D để phát dọn rừng lấy đất trồng lúa và trồng keo. Vợ chồng D sử dụng rựa phát dọn cây rừng trong 02 ngày thì về nhà. Sau đó D gọi cha, mẹ vợ, cô dượng của mình gồm NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3 tiếp tục đến khu vực rừng vợ chồng D chặt phá trước đó để cùng tham gia phát rừng với hình thức vòng đời công. Vợ chồng D cùng 04 nhân công sử dụng rựa phát dọn cây rừng theo hình thức phát trắng trong 03 ngày, riêng D sử dụng máy cưa xăng cầm tay cắt hạ những cây rừng có đường kính lớn. Khoảng 15 ngày sau thì D đốt thực bì sau đó trồng lúa trên diện tích này. Đến ngày 15/8/2020 Hạt kiểm lâm huyện D và UBND xã M tiến hành kiểm tra và phát hiện sự việc.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 1056/KLGD-CCKL ngày 03/11/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Diện tích rừng bị phá: 5.100m² (0,51ha) thuộc khoảnh 1, 3, tiểu khu 73, xã M, huyện D; Loại rừng: Rừng tự nhiên, phân theo trữ lượng thuộc rừng nghèo kiệt; Chức năng rừng: Rừng phòng hộ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐGTTHS ngày 12/9/2022 của A đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện D kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ phá rừng là 44.087.518 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSĐX ngày 26/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo La O D về tội: "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Kết luận bị cáo La O D phạm tội: "Hủy hoại rừng". Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện D, tỉnh Phú Yên nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo La O D cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ của người bị kết án cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo D phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền 44.087.518đ, bị cáo đã bồi thường 5.218.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 38.869.518đ. UBND xã M được nhận 5.218.000đ, khoản tiền bị cáo La O D đã khắc phục, bồi thường cho UBND xã M.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung quỹ: 01 máy cưa xăng cầm tay, màu vàng cam, phần lam, xích bị tháo rời ra khỏi thân máy. Tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa dài 64cm, phần cán bằng gỗ dài 37,5cm, phần lưỡi dài 26,5cm; 01 cái rựa dài 57cm, phần cán bằng gỗ dài 36cm, phần lưỡi dài 21cm; 01 cái rựa cán gỗ dài 67cm, phần cán hình trụ tròn, màu nâu đen dài 41cm, đường kính 3,2cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen, dạng một lưỡi cắt, màu đen, dài 26cm, bản rộng nhất 3,2cm, thon dần về mũi; 01 cái rựa cán gỗ 58cm, phần cán hình trụ tròn, màu nâu đen dài 42cm, đường kính 3,2cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen, dạng một lưỡi cắt, dài 16cm, bản rộng nhất 3,8cm, một đầu có vết gãy nham nhở, bề mặt rỉ sét.

Đối với La O Thị A và 04 nhân công gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3 đã có hành vi cùng với bị cáo La O D trực tiếp chặt phá rừng tự nhiên, chức năng rừng phòng hộ với diện tích rừng là 5.100 m². Bản thân A, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn, nên không nhận thức được khu rừng trên là rừng do UBND xã M quản lý. Hơn nữa, La O Thị A là người chỉ thực hiện theo yêu cầu của chồng mình. Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội hành vi của A và 04 nhân công gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ3, Ông là không đáng kể. Cơ quan CSĐT Công an huyện D áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự, không xử lý hình sự mà xem xét, xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 1, 3 tiểu khu 73 xã M, huyện D. Cơ quan điều tra thụ lý tin báo để xác minh làm rõ và xử lý sau.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng; bị cáo nói lời sau cùng, xin A đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, A đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian đầu tháng 06/2020 tại khoảnh 1, 3 tiểu khu 73 xã M, huyện D do UBND xã M quản

lý. La O D đã có hành vi cùng vợ là La O Thị A và 04 nhân công gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3 chặt, phá rừng phòng hộ với diện tích 5.100 m² (0,51 ha), gây thiệt hại 44.087.518 đồng. Nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, truy tố bị cáo La O D về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài nguyên rừng và chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống chung của xã hội, nên đối với bị cáo cần áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo là người đồng bào thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; mục đích phá rừng là để lấy đất làm rẫy trồng lúa, trồng keo để cải thiện đời sống; bị cáo nhận thức pháp luật ít hiểu biết nên không phân định được ranh giới các loại rừng, bị cáo cho rằng nguyên thủy diện tích rừng này là của ông, bà ngày xưa đã khai phá nên nay đến phát dọn để lấy đất sản xuất; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; số diện tích rừng bị hủy hoại không lớn; sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực bồi thường thiệt hại; đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên không cần thiết xử phạt hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta, như lời đề nghị của Kiểm sát viên. Xét bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo La O D như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với La O Thị A và 04 nhân công gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3 đã có hành vi cùng với bị cáo La O D trực tiếp chặt phá rừng tự nhiên, chức năng rừng phòng hộ với diện tích rừng là 5.100 m². Hành vi của La O Thị A và 04 nhân công NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3 có dấu hiệu của tội Hủy hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên trước khi đi phát rừng, A và 04 nhân công được bị cáo D cho biết khu rừng tại tiểu khu 73 là đất do ông, bà D đã khai hoang trước đây. Bản thân A, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn, nên không nhận thức được khu rừng trên là rừng do UBND xã M quản lý. Hơn nữa, La O Thị A là người chỉ thực hiện theo yêu cầu của chồng mình nên xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi A và 04 nhân

công gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 là không đáng kể. Cơ quan CSĐT Công an huyện D áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với La O Thị A và 04 nhân công gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3 mà xem xét, xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 1, 3 tiểu khu 73 xã M, huyện D. Cơ quan điều tra thụ lý tin báo để xác minh làm rõ và xử lý sau.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Bị cáo D phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền 44.087.518đ, bị cáo đã bồi thường 5.218.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 38.869.518đ. UBND xã M được nhận 5.218.000đ, khoản tiền bị cáo La O D đã khắc phục, bồi thường.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung quỹ: 01 máy cưa xăng cầm tay, màu vàng cam, phần lam, xích bị tháo rời ra khỏi thân máy. Tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa dài 64cm, phần cán bằng gỗ dài 37,5cm, phần lưỡi dài 26,5cm; 01 cái rựa dài 57cm, phần cán bằng gỗ dài 36cm, phần lưỡi dài 21cm; 01 cái rựa cán gỗ dài 67cm, phần cán hình trụ tròn, màu nâu đen dài 41cm, đường kính 3,2cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen, dạng một lưỡi cắt, màu đen, dài 26cm, bản rộng nhất 3,2cm, thon dần về mũi; 01 cái rựa cán gỗ 58cm, phần cán hình trụ tròn, màu nâu đen dài 42cm, đường kính 3,2cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen, dạng một lưỡi cắt, dài 16cm, bản rộng nhất 3,8cm, một đầu có vết gãy nham nhỡ, bề mặt rỉ sét.

[6] Về án phí: Bị cáo La O D thuộc diện hộ cận nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên xét miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo La O D phạm tội: "*Hủy hoại rừng*".

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 BLHS. Xử phạt: Bị cáo La O D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, về tội: “ Hủy hoại rừng” thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan

Thi hành án hình sự Công an huyện D, tỉnh Phú Yên nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D.

Giao bị cáo La O D cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ của người bị kết án cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo La O D phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền: 44.087.518đ, bị cáo đã bồi thường 5.218.000đ. Bị cáo D còn phải tiếp tục bồi thường cho UBND xã M số tiền 38.869.518đ. *(Ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm mười tám đồng)*

UBND xã M được nhận khoản tiền 5.218.000đ bị cáo La O D đã khắc phục, bồi thường. Theo phiếu ủy nhiệm chi được lập ngày 03/7/2023 giữa Cơ quan Công An huyện D và cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung quỹ: 01 máy cưa xăng cầm tay, màu vàng cam, phần lam, xích bị tháo rời ra khỏi thân máy. Tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa dài 64cm, phần cán bằng gỗ dài 37,5cm, phần lưỡi dài 26,5cm; 01 cái rựa dài 57cm, phần cán bằng gỗ dài 36cm, phần lưỡi dài 21cm; 01 cái rựa cán gỗ dài 67cm, phần cán hình trụ tròn,

màu nâu đen dài 41cm, đường kính 3,2cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen, dạng một lưỡi cắt, màu đen, dài 26cm, bản rộng nhất 3,2cm, thon dần về mũi; 01 cái rựa cán gỗ 58cm, phần cán hình trụ tròn, màu nâu đen dài 42cm, đường kính 3,2cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen, dạng một lưỡi cắt, dài 16cm, bản rộng nhất 3,8cm, một đầu có vết gãy nham nhở, bề mặt rỉ sét.

(Tất cả theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân lập ngày 29/6/2023).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc A về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo La O D thuộc diện hộ cận nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên xét miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo D.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (Phòng Kt-nv);
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- UBND xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng.

Nguyễn Văn Long